

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Theo Công văn số 870-CV/TU ngày 24/7/2017 và Công văn số 913-CV/TU ngày 25/8/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thống nhất chủ trương sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 726/TTr-STNMT ngày 25/8/2017.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định việc sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh.

**Điều 2. Nội dung sửa đổi, bổ sung**

**1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014:**

**“Điều 4. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng**

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, bao gồm:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất các huyện, thị xã, thành phố.
2. Các đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.
3. Các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.”

**2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 5 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014:**

“2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao lại đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, trường hợp không có đất để giao lại thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi tại thời điểm quyết định thu hồi đất.

Ủy quyền cho UBND cấp huyện phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

Trường hợp giá đất cụ thể để bồi thường biến động tăng, giảm dưới 20% so với giá đất trong bảng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất do UBND tỉnh ban hành hoặc trường hợp giá đất cụ thể để bồi thường (không giới hạn tỷ lệ biến động tăng, giảm) đối với những dự án có quy mô diện tích đất thu hồi nhỏ hơn 3000 m<sup>2</sup> (trừ dự án có vị trí giáp ranh của 02 đơn vị hành chính cấp huyện) thì giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì lấy ý kiến của phòng Tài chính - Kế hoạch bằng văn bản để thẩm định, trình UBND cấp huyện phê duyệt.

Trường hợp giá đất cụ thể để bồi thường biến động tăng, giảm từ 20% trở lên so với giá đất trong bảng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất do UBND tỉnh ban hành thì Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định và thông báo kết quả bằng văn bản cho UBND cấp huyện phê duyệt (không nhất thiết phải thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất). Trường hợp các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính có ý kiến khác nhau thì phải trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh xem xét, thẩm định.

Trình tự, thủ tục hồ sơ và phương pháp xác định giá đất cụ thể để áp dụng bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện theo quy định hiện hành”.

“4. Loại đất được xác định để tính bồi thường theo quy định tại các Điều 10, 11 của Luật Đất đai và khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Trường hợp loại đất nông nghiệp được xác định theo các quy định nêu trên khác so với loại đất nông nghiệp thực tế đang sử dụng (đã sử dụng ổn định từ trước ngày 01/7/2014) thì giao Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp xã, Chủ đầu tư và các cơ quan liên quan kiểm tra, xác nhận loại đất theo hiện trạng sử dụng, lập thành biên bản, đưa vào phương án bồi thường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

**3. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 và Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016:**

**“Điều 11. Bồi thường về đất ở và đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở khi Nhà nước thu hồi đất**

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam, khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau:

a) Trường hợp, thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau khi thu hồi không đủ điều kiện để làm nhà ở theo quy định của UBND tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở theo hình thức giao đất ở tại các khu tái định cư hoặc các vị trí xen cư (sau đây gọi chung là khu tái định cư).

b) Trường hợp, thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau khi thu hồi không đủ điều kiện để làm nhà ở theo quy định của UBND tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì UBND cấp huyện xem xét, quyết định giao 01 lô đất ở với diện tích tối thiểu theo quy hoạch chi tiết phân lô tại khu tái định cư và hộ gia đình, cá nhân phải nộp 100% tiền sử dụng đất theo giá đất tái định cư.

c) Trường hợp, thửa đất ở bị thu hồi trên 01 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND tỉnh mà phần diện tích đất ở còn lại sau khi thu hồi đủ điều kiện để làm nhà ở theo quy định nhưng dưới 01 lần hạn mức giao đất ở mà hộ gia đình đó có từ 02 (hai) cặp vợ chồng trở lên (đủ điều kiện tách hộ theo quy định) hoặc hộ gia đình đó có từ 05 (năm) nhân khẩu trở lên (trong đó có nhân khẩu chưa lập gia đình riêng, nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên) thực tế cùng sống chung trên 01 (một) thửa đất ở bị thu hồi mà hộ gia đình, cá nhân đó không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở theo hình thức giao đất ở tại các khu tái định cư.

d) Phần diện tích đất ở còn lại sau khi thu hồi không đủ điều kiện để làm nhà ở theo quy định của UBND tỉnh, khi người dân có Đơn đề nghị thì Nhà nước thu hồi và quản lý theo quy định tại Khoản 2, Điều 68 của Luật Đất đai.

2. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều này mà không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở thì được Nhà nước bồi thường bằng tiền.

3. Trường hợp, trong thửa đất ở thu hồi còn diện tích đất nông nghiệp không được công nhận là đất ở, nếu hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất có nhu cầu thì được chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất nông nghiệp đó sang đất ở trong hạn mức giao đất ở tại địa phương và việc chuyển mục đích sang đất ở phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Hộ gia đình, cá nhân khi chuyển mục đích sử dụng đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở, bị thu hồi từ 02 (hai) lần hạn mức giao đất ở theo quy định hiện hành của UBND tỉnh trở lên mà hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu giao đất ở thì được giao 01 (một) lô đất ở theo quy hoạch chi tiết phân lô tại khu tái định cư nhưng không quá 01 lần hạn mức giao đất ở theo quy định hiện hành của UBND tỉnh. Hộ gia đình, cá nhân được giao đất phải nộp 100% tiền sử dụng đất theo giá đất ở tái định cư và không cho nợ tiền sử dụng đất.

5. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở (đã được xây dựng trước ngày 01/7/2014) thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở, nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà hộ gia đình, cá nhân đó có nhu cầu giao lại đất ở thì được giao 01 lô đất ở với diện tích tối thiểu theo quy hoạch chi tiết phân lô tại khu tái định cư và hộ gia đình, cá nhân phải nộp 100% tiền sử dụng đất theo giá đất tái định cư.

6. Tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng nhà ở khi Nhà nước thu hồi đất, nếu có đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 6 của Quy định này, thì việc bồi thường thực hiện như sau:

a) Trường hợp, thu hồi một phần diện tích đất của dự án mà phần còn lại vẫn đủ điều kiện để tiếp tục thực hiện dự án thì được bồi thường bằng tiền đối với phần diện tích đất thu hồi.

b) Trường hợp, thu hồi toàn bộ diện tích đất hoặc thu hồi một phần diện tích đất của dự án mà phần còn lại không đủ điều kiện để tiếp tục thực hiện dự án thì được bồi thường bằng việc giao hoặc cho thuê đất để thực hiện dự án hoặc bồi thường bằng tiền.

c) Đối với dự án đã đưa vào kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường bằng tiền.

7. Khi Nhà nước thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở theo quy định tại Khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai, thì được bồi thường như sau:

Giá đất vườn, ao = Giá đất ở<sub>cụ thể</sub> - 50%(Giá đất ở<sub>cụ thể</sub> - Giá đất nông nghiệp<sub>cụ thể</sub>).

Trường hợp khi xác định theo quy định trên mà giá đất vườn, ao thấp hơn giá đất nông nghiệp liền kề hoặc gần nhất thì giá đất vườn, ao được tính bằng giá đất nông nghiệp liền kề hoặc gần nhất trên địa bàn từng địa phương.

Đối với thửa đất ở có nhiều mức giá (theo hệ số phân vạch chiều sâu của thửa đất) thì giá đất ở cụ thể được áp dụng để tính đơn giá đất vườn, ao được xác định theo đơn giá đất ở trung bình của thửa đất đó”.

#### **4. Bổ sung Điều 11a:**

##### **“Điều 11a. Diện tích đất ở được giao tại khu tái định cư**

1. Được giao 01 (một) lô đất ở theo quy hoạch chi tiết phân lô được duyệt tại khu tái định cư nhưng không quá 01 lần hạn mức giao đất ở theo quy định hiện hành của UBND tỉnh cho hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất ở bị thu hồi nếu thuộc một trong các trường hợp được bồi thường bằng đất ở quy định tại Điểm a, c Khoản 1 Điều 11 Quy định này.

2. Được giao 02 (hai) lô đất tại khu tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất ở bị thu hồi nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Hộ gia đình có 02 (hai) cặp vợ chồng thực tế cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi và đủ điều kiện tách hộ theo quy định hoặc có 02 hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi;

b) Trường hợp có đất ở bị thu hồi từ 02 (hai) đến 03 (ba) lần hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND tỉnh, mà hộ gia đình có từ 05 (năm) nhân khẩu trở lên (trong đó có nhân khẩu chưa lập gia đình riêng, nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên) thực tế cùng sống chung trên 01 (một) thửa đất ở bị thu hồi.

c) Hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất ở bị thu hồi từ 03 đến 05 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND tỉnh.

3. Được giao 03 (ba) lô đất tại khu tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất ở bị thu hồi nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Hộ gia đình có 03 (ba) cặp vợ chồng thực tế cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi và đủ điều kiện tách hộ theo quy định hoặc có 03 hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi.

b) Trường hợp có đất ở bị thu hồi trên 03 (ba) lần hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND tỉnh, mà hộ gia đình có từ 05 (năm) nhân khẩu trở lên (trong đó có nhân khẩu chưa lập gia đình riêng, nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên) thực tế cùng sống chung trên 01 (một) thửa đất ở bị thu hồi.

c) Hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất ở bị thu hồi từ trên 05 đến 07 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND tỉnh.

4. Được giao 04 (bốn) lô đất tại khu tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất ở bị thu hồi nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

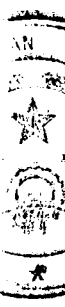
a) Hộ gia đình có từ 04 (bốn) cặp vợ chồng trở lên thực tế cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi và đủ điều kiện tách hộ theo quy định hoặc có từ 04 hộ gia đình trở lên có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi.

b) Hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất ở bị thu hồi từ trên 07 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND tỉnh.

5. Hộ gia đình, cá nhân được giao đất ở theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều này phải thuộc đối tượng bị thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau khi thu hồi không đủ điều kiện để làm nhà ở theo quy định của UBND tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi. Diện tích đất ở được giao từ lô thứ 02 trở đi theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều này theo quy hoạch chi tiết phân lô được duyệt tại khu tái định cư, nhưng không quá 120 m<sup>2</sup>/01 lô (đối với khu vực I) và không quá 150 m<sup>2</sup>/01 lô (đối với khu vực II và III).

6. Điều kiện để giao đất tái định cư đối với cặp vợ chồng thứ hai trở lên phải đảm bảo:

a) Vợ hoặc chồng phải có tên trong sổ hộ khẩu thường trú tại địa chỉ thửa đất ở bị thu hồi và đăng ký kết hôn trước khi có Thông báo thu hồi đất. Trường hợp cặp vợ chồng không có giấy đăng ký kết hôn, thì phải có xác nhận của UBND cấp xã về tình trạng hôn nhân thực tế.



b) Không có chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi.

7. Trường hợp đặc biệt phải giao đất ở tại khu tái định cư ngoài những quy định nêu trên giao Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Chủ đầu tư, UBND cấp xã tham mưu UBND cấp huyện đề xuất, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, báo cáo, tham mưu trình UBND tỉnh xem xét giải quyết.”

**5. Bổ sung khoản 7 vào Điều 13 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014:**

“7. Trường hợp nhà thờ tộc, họ đã xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất, thời điểm xây dựng trước khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không bị xử lý vi phạm hành chính, khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường 100% giá trị về nhà cửa, công trình, vật kiến trúc trên đất theo quy định. Nếu dòng tộc, họ có nguyện vọng bố trí đất để xây dựng lại nhà thờ thì được giao 01 lô đất ở phù hợp tại khu tái định cư theo diện tích quy hoạch chi tiết phân lô được duyệt nhưng không quá 01 lần hạn mức giao đất ở theo quy định hiện hành của UBND tỉnh và phải nộp 100% tiền sử dụng đất theo giá đất ở tái định cư.”

**6. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014:**

**“Điều 14. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01/7/2004 nhưng đã nộp tiền để được sử dụng đất mà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**

1. Đất có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 15/10/1993 và có giấy tờ chứng minh về việc đã nộp tiền cho cơ quan, tổ chức để được sử dụng đất đối với diện tích đất được giao mà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì người đang sử dụng đất được bồi thường về đất đối với diện tích và loại đất được giao.

2. Đất có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 và có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất đối với diện tích đất được giao mà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì người đang sử dụng đất được bồi thường như sau:

a) Trường hợp có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất đối với diện tích đất được giao theo đúng mức thu quy định của pháp luật đất đai năm 1993 thì được bồi thường về đất đối với diện tích và loại đất được giao;

b) Trường hợp có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất đối với diện tích đất được giao thấp hơn mức thu quy định của pháp luật đất đai năm 1993 thì được bồi thường về đất đối với diện tích và loại đất được giao nhưng phải trừ đi số tiền sử dụng đất phải nộp (nếu có) theo quy định của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Đất có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01/7/2004 nhưng không có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất đối với diện tích đất được giao thì người đang sử dụng đất được bồi thường về đất đối với diện tích và loại đất được giao nhưng phải trừ đi số tiền sử dụng đất phải nộp

(nếu có) theo quy định của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Việc bồi thường về tài sản gắn liền với đất thu hồi thực hiện theo quy định tại các Điều 34 và 36 của Quy định này.

5. Giấy tờ xác định về việc đã nộp tiền để được sử dụng đất đối với trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01/7/2004:

a) Việc xác định đã nộp tiền cho cơ quan, tổ chức để được sử dụng đất đối với trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01/7/2004 phải căn cứ vào một trong các loại giấy tờ sau đây: Biên lai, phiếu thu, hóa đơn thu tiền để được sử dụng đất, thu tiền đền bù theo Quyết định số 186/HĐBT ngày 31/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về đền bù thiệt hại đất nông nghiệp, đất có rừng khi chuyển sang sử dụng vào mục đích khác; Biên lai, phiếu thu, hóa đơn thu tiền theo quy định của Bộ Tài chính tại thời điểm thu tiền; Biên lai, phiếu thu, hóa đơn hoặc các loại giấy tờ khác do UBND cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức giao đất không đúng thẩm quyền xác lập tại thời điểm thu tiền; Giấy tờ biên nhận thu tiền của UBND cấp xã, hợp tác xã hoặc của cơ quan, tổ chức giao đất không đúng thẩm quyền đã được các cơ quan, tổ chức (hoặc người đại diện) cấp cho hộ gia đình, cá nhân tại thời điểm thu tiền.

b) Trường hợp, đất được giao không đúng thẩm quyền và người được giao đất đã nộp tiền để được sử dụng đất mà giấy tờ chỉ còn lưu tại cơ quan, tổ chức đã thu tiền hoặc cơ quan, tổ chức khác có liên quan thì cơ quan, tổ chức đang lưu giữ giấy tờ đó có trách nhiệm cung cấp giấy tờ đang lưu giữ cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc cho người sử dụng đất để Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn thiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.”

**7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014:**

“1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các Khoản 1, 2 và 3, Điều 100 Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ mà đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại các Điều 101 và 102 của Luật Đất đai và các Điều 20, 22, 23, 25, 27 và 28 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì được bồi thường về đất.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác từ trước ngày 01/7/2004 mà không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật Đất đai, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không có một trong các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay được công nhận diện tích đất ở mà phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại Điều 6, 7 và 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì UBND cấp huyện ban hành quyết định công nhận

quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính trước khi thu hồi đất, bồi thường về đất”.

**8. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014:**

**“Điều 22. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất**

1. Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất gồm các trường hợp sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất nông nghiệp khi thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Nghị định số 85/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp và bổ sung việc giao đất làm muối cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài; Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về việc giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003 và khoản 1 Điều 54 của Luật Đất đai 2013.

b) Nhân khẩu nông nghiệp trong hộ gia đình quy định tại điểm a Khoản này nhưng phát sinh sau thời điểm giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình đó đến khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Riêng đối với nhân khẩu phát sinh tự nhiên (sinh tự nhiên, không tính đối với nhân khẩu nhập cư) thì được xác định đến trước thời điểm có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

c) Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a, Khoản này đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, khai hoang theo quy định của pháp luật, được UBND cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp đó.

d) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp.

đ) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó.

e) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán của tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó.

g) Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất.

2. Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang sử dụng đất thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 77 của Luật Đất đai và điểm b Khoản này.

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) quy định tại điểm d, đ và e Khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất.

3. Việc hỗ trợ ổn định đời sống cho các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 1, Điều này được tính bằng tiền là 500.000 đồng/tháng (tương đương 30 kg gạo theo giá trung bình tại địa phương) cho một nhân khẩu, thời gian hỗ trợ được qui định như sau:

a) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng:

- Trường hợp không phải di chuyển chỗ ở: 12 tháng.

- Trường hợp phải di chuyển chỗ ở:

+ Di chuyển chỗ ở đến nơi khác trong hoặc ngoài huyện, thành phố thuộc khu vực đồng bằng trong tỉnh: 24 tháng.

+ Di chuyển trong phạm vi các huyện thuộc khu vực miền núi trong tỉnh: 30 tháng.

+ Di chuyển chỗ ở ra ngoài tỉnh, di chuyển chỗ ở ra ngoài huyện trong tỉnh thuộc khu vực miền núi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 36 tháng.

b) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng:

- Trường hợp không phải di chuyển chỗ ở: 06 tháng.

- Trường hợp phải di chuyển chỗ ở:

+ Di chuyển chỗ ở đến nơi khác trong hoặc ngoài huyện, thành phố thuộc khu vực đồng bằng trong tỉnh: 12 tháng.

+ Di chuyển trong phạm vi các huyện thuộc khu vực miền núi trong tỉnh: 18 tháng.

+ Di chuyển chỗ ở ra ngoài tỉnh, di chuyển chỗ ở ra ngoài huyện trong tỉnh thuộc khu vực miền núi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 24 tháng.

c) Thu hồi từ 15% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng:

- Trường hợp không phải di chuyển chỗ ở: 04 tháng.

- Trường hợp phải di chuyển chỗ ở:

+ Di chuyển chỗ ở đến nơi khác trong hoặc ngoài huyện, thành phố thuộc khu vực đồng bằng trong tỉnh: 08 tháng.

+ Di chuyển trong phạm vi các huyện thuộc khu vực miền núi trong tỉnh: 12 tháng;

+ Di chuyển chỗ ở ra ngoài tỉnh, di chuyển chỗ ở ra ngoài huyện trong tỉnh thuộc khu vực miền núi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 18 tháng.

d) Diện tích đất nông nghiệp thu hồi để tính hỗ trợ ổn định đời sống quy định tại các điểm a, b và c, Khoản này được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của UBND cấp có thẩm quyền, không cộng dồn diện tích đất nông nghiệp đã thu hồi của các quyết định thu hồi đất trước đó.

đ) Diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ ổn định đời sống quy định tại các điểm a, b và c, Khoản này là diện tích đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong phạm vi xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi tại thời điểm có quyết định thu hồi đất, bao gồm diện tích đất theo quy định tại các điểm a, b và c, Khoản 2, Điều 5, Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

e) Đối với các trường hợp thu hồi dưới 15% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì không được hỗ trợ.

4. Việc hỗ trợ ổn định sản xuất thực hiện theo quy định sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, bao gồm: Hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ giống cây trồng, phân bón: mức hỗ trợ là: 1.000 đồng/m<sup>2</sup> theo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được giao mới.

- Hỗ trợ giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp: 5.000.000 đồng/hộ.

- Hỗ trợ các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi: 1.000.000 đồng/hộ.

- Hỗ trợ kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp: 1.000.000 đồng/hộ.

b) Khi Nhà nước thu hồi đất của tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm g Khoản 1, Điều này thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền với mức cao nhất bằng 30% (ba mươi phần trăm) của 01 (một) năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 (ba) năm liền kề trước đó. Thu nhập sau thuế được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan Thuế chấp thuận; trường hợp chưa được kiểm toán hoặc chưa được cơ quan Thuế chấp thuận thì việc xác định thu nhập sau thuế được căn cứ vào thu nhập sau thuế do đơn vị kê khai tại báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối mỗi năm đã gửi cơ quan Thuế.

c) Đối với hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có đăng ký kinh doanh, có nộp thuế đầy đủ mà bị ngừng sản xuất kinh doanh, thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền với mức cao nhất bằng 30% (ba mươi phần trăm) của 01 (một) năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 (ba) năm liền kề

trước đó hoặc được hỗ trợ 6 (sáu) tháng thuế khoán phải nộp (tháng gần thời điểm áp giá tính bồi thường).

d) Trường hợp, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không có đăng ký kinh doanh, nhưng có nộp đầy đủ các loại thuế theo quy định thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức hỗ trợ tại điểm c, Khoản này.

đ) Trường hợp, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không có đăng ký kinh doanh, không nộp thuế cho Nhà nước thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng 30% (ba mươi phần trăm) mức hỗ trợ tại điểm c, Khoản này.

e) Các đối tượng được hỗ trợ quy định tại các điểm b, c và d, Khoản này phải có xác nhận của cơ quan Thuế địa phương.

5. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản của các nông, lâm trường quốc doanh thuộc đối tượng quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, Điều này thì được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo hình thức bằng tiền.

6. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm g, Khoản 1, Điều này thuê lao động theo hợp đồng lao động trước thời điểm thông báo thu hồi đất thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động. Mức hỗ trợ ngừng việc được tính bằng tiền lương tối thiểu vùng theo quy định hiện hành của Nhà nước nhân với thời gian bị ảnh hưởng thực tế nhưng tối đa không quá 06 (sáu) tháng. Giao Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với chủ sử dụng lao động, Chủ đầu tư, UBND cấp xã căn cứ thời gian hợp đồng lao động để xác định thời gian hỗ trợ.

7. Việc chi trả các khoản hỗ trợ cho các đối tượng quy định tại Điều này được thực hiện cùng với thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.”

**9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 và khoản 3 Điều 2 Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016:**

“1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 22 của Quy định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 22 của Quy định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây:

a) Mức hỗ trợ được xác định bằng giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND tỉnh công bố nhân với hệ số như sau:

Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác (trừ đất trồng cỏ dùng vào chăn nuôi hoặc cỏ tự nhiên có cải tạo để chăn nuôi gia súc) và đất làm muối: 3 (ba) lần; Đất nuôi trồng thủy sản: 2,5 (hai phẩy năm) lần; Đất trồng cây lâu năm và đất trồng

cỏ dùng vào chăn nuôi hoặc cỏ tự nhiên có cải tạo để chăn nuôi gia súc: 2 (hai) lần; Đất rừng sản xuất, đất nông nghiệp khác: 1,5 (một phẩy năm) lần.

b) Diện tích đất tính hỗ trợ là toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 129 của Luật Đất đai.”

**10. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 27 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014:**

“7. Hỗ trợ ổn định đời sống đối với trường hợp thu hồi đất ở:

a) Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở có nhà ở nhưng không đồng thời với việc thu hồi đất nông nghiệp hoặc thu hồi dưới 15% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống bằng tiền là 500.000 đồng/01 tháng/01 nhân khẩu, thời gian hỗ trợ như sau:

- Ảnh hưởng một phần ngôi nhà: 03 tháng.

- Tái định cư trên phần đất còn lại: 06 tháng.

- Di chuyển chỗ ở mới trong phạm vi huyện, thị xã, thành phố thuộc khu vực đồng bằng trong tỉnh: 09 tháng.

- Di chuyển chỗ ở ngoài phạm vi huyện, thị xã, thành phố khu vực đồng bằng; di chuyển trong phạm vi của huyện khu vực miền núi trong tỉnh: 14 tháng.

- Di chuyển chỗ ở ra ngoài tỉnh hoặc di chuyển chỗ ở đến những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc từ huyện này sang huyện khác thuộc khu vực miền núi trong tỉnh: 18 tháng.

b) Việc di chuyển ra khỏi địa bàn huyện, tỉnh phải được xác nhận của UBND cấp xã nơi đến.

c) Hỗ trợ cho mỗi hộ gia đình 1.000.000 đồng/hộ để giải quyết những thủ tục cần thiết của hộ gia đình tại nơi ở mới.

d) Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở và được bồi thường bằng đất ở thì không phải nộp lệ phí địa chính, các loại phí dịch vụ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại nơi tái định cư (riêng lệ phí trước bạ thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính). Số tiền này do ngân sách Nhà nước hỗ trợ chi trả theo từng dự án và đưa vào phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải tháo dỡ mà không có nhà ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ bằng 80% (tám mươi phần trăm) theo quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản này”.

**11. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 2 Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016:**

“2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được giao đất ở tại khu tái định cư và được hỗ trợ chênh lệch tiền sử dụng đất tái định cư mà tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư, cụ thể như sau:

a) Trường hợp giá đất cụ thể được bồi thường thấp hơn giá đất tái định cư bình quân thì được hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá đất tái định cư bình quân với

giá đất cụ thể được bồi thường tương ứng với số lô đất dự kiến được bố trí tái định cư.

b) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được hỗ trợ chênh lệch suất tái định cư tối thiểu mà tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ bằng 15% giá đất tái định cư bình quân theo từng khu vực tương ứng với diện tích đất ở thu hồi (ngoài giá trị chênh lệch đã được nhận theo suất tái định cư tối thiểu).

c) Giá đất tái định cư bình quân của 01 m<sup>2</sup> đất quy định cho từng khu vực, cụ thể như sau:

Khu vực I : 1.500.000 đồng/m<sup>2</sup>.

Khu vực II : 1.300.000 đồng/m<sup>2</sup>.

Khu vực III: 1.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.

Trường hợp có xây dựng khu tái định cư thì diện tích hỗ trợ tự lo chỗ ở được tính theo diện tích đất ở dự kiến bố trí tái định cư tại Điều 11a Quy định này.

Trường hợp không xây dựng khu tái định cư thì diện tích hỗ trợ tự lo chỗ ở được tính như sau: lô thứ nhất: 200 m<sup>2</sup>; từ lô thứ 02 trở đi: 120 m<sup>2</sup> đối với khu vực I và 150 m<sup>2</sup> đối với khu vực II, III nhưng diện tích để tính hỗ trợ tự lo chỗ ở không vượt quá diện tích đất ở bị thu hồi.

Đối với các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được giao đất ở tại khu tái định cư, nộp 100% tiền sử dụng đất theo giá đất ở tái định cư mà tự lo chỗ ở thì không được nhận hỗ trợ theo quy định này.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được bố trí tái định cư từ 02 lô trở lên có thể lựa chọn kết hợp giữa hình thức nhận hỗ trợ tự lo chỗ ở và nhận đất tái định cư được hỗ trợ tiền sử dụng đất tương ứng theo số lô đất dự kiến được bố trí tái định cư.”

d) Trường hợp giá đất cụ thể được bồi thường cao hơn giá đất tái định cư bình quân hoặc các trường hợp được giao đất ở tại khu tái định cư, nộp 100% tiền sử dụng đất theo giá đất ở tái định cư mà tự lo chỗ ở thì không được nhận hỗ trợ theo quy định này.”

## **12. Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 6 Điều 36 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014:**

“b) Những trường hợp cây trồng trên đất (cây ăn quả, cây lâu năm, cây cảnh, cây công nghiệp, cây làm gỗ, làm củi, cây rừng trồng,...) nhưng trồng vượt quá mật độ trồng thuần theo định mức kinh tế - kỹ thuật quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chịu trách nhiệm phối hợp với UBND cấp xã, Chủ đầu tư, các cơ quan liên quan căn cứ các yếu tố về điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng, tập quán canh tác của nhân dân địa phương để xác định mức độ hợp lý về số lượng cây trồng trên một mét vuông đất để tính bồi thường, hỗ trợ nhưng tối đa không vượt quá 1,5 (một phẩy năm) lần theo định mức quy định của UBND tỉnh.

Trường hợp trên thửa đất có nhiều loại cây trồng thì ưu tiên chọn loại cây trồng có giá trị bồi thường cao nhất và xác định diện tích chiếm đất (không quá 1,5 lần định mức). Theo đó, khấu trừ diện tích chiếm đất của loại cây trồng có giá trị bồi thường cao nhất vào tổng diện tích thửa đất thu hồi và tiếp tục cách tính tương

tự lần lượt đối với những loại cây có giá trị bồi thường cao thứ 2, thứ 3 cho đến khi khấu trừ hết diện tích của thửa đất bị thu hồi.”

**13. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề Điều 37 và sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 37 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 và Khoản 9 Điều 2 Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016:**

“Điều 37. Bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất”.

“2. Di chuyển tài sản đối với trường hợp thu hồi đất có nhà ở:

a) Hộ gia đình, cá nhân thu hồi đất ở có nhà ở đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 6 của Quy định này, mà phải di chuyển đến nơi ở mới hoặc tái định cư trên phần đất còn lại thì được bồi thường chi phí di chuyển như sau:

- Tái định cư trên phần đất còn lại: 5.000.000 đồng/hộ.

- Di chuyển trong phạm vi huyện, thành phố thuộc khu vực đồng bằng trong tỉnh: 7.000.000 đồng/hộ.

- Di chuyển ngoài phạm vi huyện, thành phố khu vực đồng bằng; di chuyển trong phạm vi của huyện khu vực miền núi trong tỉnh: 10.000.000 đồng/hộ.

- Di chuyển ra ngoài tỉnh hoặc di chuyển chỗ ở đến những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc từ huyện này sang huyện khác thuộc khu vực miền núi trong tỉnh: 12.000.000 đồng/hộ.

b) Hộ gia đình, cá nhân thu hồi đất ở có nhà ở đủ điều kiện được bồi thường theo quy định của pháp luật về đất đai mà phải giải tỏa, di chuyển một phần nhà ở (dưới 50% diện tích nhà ở) thì được bồi thường chi phí di chuyển với mức là 3.000.000 đồng/ trường hợp.

c) Trường hợp, trong nhà ở phải di dời có trên 4 nhân khẩu (số nhân khẩu từ thứ 5 trở lên) thì số tiền bồi thường chi phí di chuyển được cộng thêm bằng 10% (mười phần trăm) mức bồi thường tại điểm a, Khoản này cho mỗi nhân khẩu tăng thêm.

d) Trường hợp, hộ gia đình, cá nhân thu hồi đất có nhà ở, không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Điều 6 của Quy định này, mà phải di chuyển đến nơi ở mới thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản bằng 80% (tám mươi phần trăm) mức tiền bồi thường quy định tại các điểm a, b và c, Khoản này. Trường hợp có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống, nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản bằng 30% (ba mươi phần trăm) mức tiền bồi thường quy định tại các điểm a, b và c, Khoản này.

đ) Trường hợp có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi, nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú, có nhà ở riêng trên thửa đất ở bị thu hồi đó mà phải di chuyển đến nơi ở mới thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản bằng 80% (tám mươi phần trăm) mức tiền bồi thường quy định tại các điểm a, b và c, Khoản này.

e) Trường hợp có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi, nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú, chưa có nhà ở riêng trên thửa đất ở bị thu hồi đó mà phải di chuyển đến nơi ở mới thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức tiền bồi thường quy định tại các điểm a, b và c, Khoản này.”

**14. Sửa đổi, bổ sung Khoản 10 Điều 2 Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016:**

“2. Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thì được bồi thường bằng tiền, mức bồi thường cụ thể như sau:

a) Đối với đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không:

Trường hợp đất đang sử dụng là đất ở và các loại đất khác trong cùng thửa với đất ở thì mức bồi thường bằng (=) diện tích đất bị hạn chế sử dụng nhân (x) với 80% giá đất cùng mục đích sử dụng;

Trường hợp đất đang sử dụng là đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất thì mức hỗ trợ bằng (=) diện tích đất bị hạn chế khả năng sử dụng nhân (x) với 30% giá đất cùng mục đích sử dụng.

b) Đối với đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn các công trình khác:

Mức bồi thường bằng (=) diện tích đất bị hạn chế sử dụng nhân (x) với 50% giá đất cùng mục đích sử dụng.”

**15. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 40 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014:**

“4. Mồ mả sau khi được bồi thường, hỗ trợ đều phải di dời và cải táng tại nghĩa trang, nghĩa địa theo quy hoạch của địa phương. Trường hợp khu nghĩa trang, nghĩa địa có thu phí thì được hỗ trợ kinh phí nhận đất tại khu nghĩa trang, nghĩa địa cho 01 (một) phần mộ theo diện tích (không vượt quá hạn mức sử dụng đất để chôn cất cho một phần mộ mai táng, cải táng theo quy định hiện hành của UBND tỉnh) nhân với đơn giá tối thiểu được phê duyệt tại khu nghĩa trang, nghĩa địa. Nếu trong địa bàn liên xã, phường không có khu nghĩa trang, nghĩa địa thì hỗ trợ mức giá tương đương với các khu nghĩa trang, nghĩa địa lân cận để người dân tự di dời. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nguyện vọng cải táng vào khu nghĩa trang, nghĩa địa thì được nhận mức hỗ trợ này để tự di dời.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định đơn giá tối thiểu tại khu nghĩa trang, nghĩa địa gửi Phòng Kinh tế - Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị cấp huyện thẩm định, trình UBND cấp huyện phê duyệt”.

**16. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014:**

“1. Nội dung xác định giá đất cụ thể thực hiện theo quy định tại các Điều 15, 16, 17 và 18 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 4, Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ và các Điều 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34 và 35 của Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Nguồn kinh phí thực hiện xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất được xác định thành 01 hạng mục riêng của Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên cơ sở áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường để lập dự toán phục vụ công tác

định giá đất. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập dự toán và gửi các cơ quan thẩm định, trình phê duyệt, như sau:

a) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định, gửi kết quả cho Phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình UBND cấp huyện phê duyệt cùng với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện duyệt.

b) Sở Tài chính thẩm định, gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt cùng với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc thẩm quyền UBND tỉnh duyệt (bao gồm cả trường hợp dự án, tiểu dự án được ứng vốn từ Quỹ phát triển đất hoặc tạm ứng vốn từ Kho bạc Nhà nước).”

**17. Sửa đổi, bổ sung khoản 11, Điều 2 Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016:**

“5. Quy định xử lý chênh lệch tiền sử dụng đất tại khu tái định cư:

a) Trường hợp bồi thường bằng việc giao đất ở mới tại khu tái định cư theo quy định tại Điều 11a của Quy định này, nếu đơn giá đất ở được bồi thường lớn hơn đơn giá đất ở tại khu tái định cư thì phần chênh lệch về giá trị (nếu có) được thanh toán bằng tiền theo quy định sau:

Trường hợp tiền bồi thường về đất ở lớn hơn tiền sử dụng đất ở tại khu tái định cư thì hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất được nhận phần chênh lệch;

Trường hợp tiền bồi thường về đất ở nhỏ hơn tiền sử dụng đất ở tại khu tái định cư thì hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất phải nộp phần chênh lệch, trừ phần giá trị chênh lệch được hỗ trợ theo quy định tại Điểm d Khoản này.

b) Trường hợp bồi thường bằng việc giao đất ở mới tại khu tái định cư theo quy định tại Khoản 1; điểm a, b Khoản 2; điểm a, b Khoản 3 và điểm a Khoản 4 Điều 11a của Quy định này, nếu đơn giá đất ở được bồi thường thấp hơn đơn giá đất ở tại khu tái định cư thì được hỗ trợ chênh lệch như sau:

Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi lớn hơn diện tích đất bố trí tái định cư thì Nhà nước hỗ trợ phần chênh lệch giữa giá đất tái định cư và giá đất bồi thường tương ứng với diện tích đất bố trí tái định cư.

Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi nhỏ hơn diện tích đất bố trí tái định cư thì Nhà nước hỗ trợ phần chênh lệch giữa giá đất tái định cư và giá đất bồi thường tương ứng với diện tích đất ở bị thu hồi, phần giá trị của đất tái định cư còn lại hộ gia đình, cá nhân phải nộp tiền vào ngân sách Nhà nước theo giá đất tái định cư.

c) Đối với các trường hợp bồi thường bằng việc giao đất ở mới tại khu tái định cư theo quy định tại điểm c Khoản 2; Điểm c Khoản 3 và Điểm b Khoản 4 Điều 11a của Quy định này thì không được hỗ trợ chênh lệch tiền sử dụng đất tái định cư theo quy định tại điểm b Khoản này và hộ gia đình, cá nhân phải nộp 100% tiền sử dụng đất theo giá đất ở tái định cư.

d) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất ở bị thu hồi nhỏ hơn diện tích suất tái định cư tối thiểu và số tiền bồi thường về đất bị thu hồi nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu thì được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 29 và Điều 30 Quy định này.

Trường hợp lô đất tái định cư có diện tích lớn hơn diện tích suất tái định cư tối thiểu thì phần diện tích vượt so với diện tích được hỗ trợ theo suất tái định cư tối thiểu thì hộ gia đình, cá nhân phải nộp tiền vào ngân sách Nhà nước theo giá đất tái định cư.

đ) Đối với đất nhà thờ tộc họ đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại khoản 6, Điều 13 của Quy định này mà phải di chuyển đến địa điểm mới thì được hỗ trợ chênh lệch tiền sử dụng đất tại khu tái định cư theo quy định tại điểm b Khoản này.”

**18. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, Điều 2 Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016:**

“3. Giá đất tái định cư bình quân trong khu quy hoạch tập trung được xác định theo công thức: Tổng mức đầu tư xây dựng của dự án chia (:) diện tích đất ở và diện tích đất để làm mặt bằng sản xuất kinh doanh.

Trường hợp không xác định được giá đất tái định cư theo giá trị đầu tư xây dựng của dự án thì có thể xem xét giá đất và các yếu tố hình thành tại khu vực lân cận, có điều kiện tương đồng để xác định giá đất tái định cư.

4. Giá đất tái định cư tại các vị trí xen cư được tính bằng tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, san lấp mặt bằng (nếu có) chia (:) diện tích đất bố trí tái định cư hoặc tính theo giá đất ở liền kề (theo Bảng giá đất của UBND tỉnh công bố nhân với hệ số điều chỉnh giá đất).

5. Giá đất tái định cư được phân thành nhiều mức giá khác nhau tương ứng với từng vị trí do UBND tỉnh phê duyệt theo từng dự án tái định cư.”

**19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 Điều 45 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014:**

“2. Kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện theo quy định sau:

a) Đối với các dự án thực hiện trên địa bàn: thị xã Điện Bàn, thành phố Tam Kỳ và thành phố Hội An (trừ xã đảo Tân Hiệp) thì mức trích là 2% trên tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án; đối với các dự án là công trình hạ tầng theo tuyến thực hiện trên địa bàn này thì mức trích là 3% trên tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

b) Đối với các dự án thực hiện trên địa bàn các huyện: Núi Thành (trừ xã Tam Hải), Thăng Bình, Đại Lộc, Quế Sơn, Phú Ninh, Duy Xuyên thì mức trích là 4% trên tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án; đối với các dự án là công trình hạ tầng theo tuyến thực hiện trên địa bàn này thì mức trích là 4,5% trên tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

c) Đối với các dự án thực hiện trên địa bàn các huyện: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My, Hiệp Đức, Tiên Phước, Nông Sơn, xã Tam Hải (huyện Núi Thành) và xã đảo Tân Hiệp (thành phố Hội An) thì mức trích là 5% trên tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án; đối với các dự án là công trình hạ tầng theo tuyến thực hiện trên địa bàn này thì mức trích là 5,5% trên tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

d) Đối với trường hợp phải thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất thì được sử dụng kinh phí dự phòng nhưng không quá 10% kinh phí quy định tại các Điểm a, b và c nêu trên.

đ) Công trình hạ tầng theo tuyến quy định tại các điểm a, b và c Khoản này là công trình được xây dựng theo hướng tuyến trong một hoặc nhiều khu vực địa giới hành chính, như: Đường bộ, đường sắt, đường dây tải điện, đường cáp viễn thông, đường ống dẫn dầu, dẫn khí, cấp thoát nước và các công trình tương tự khác.

3) Chi phí tổ chức thực hiện, thẩm định, chi phí cho Ban chỉ đạo bồi thường, giải phóng mặt bằng tỉnh, Ban chỉ đạo cấp huyện và UBND cấp xã được trích theo tỷ lệ % căn cứ theo mức tỷ lệ % chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Điểm a, b và c Khoản 2 Điều này, cụ thể như sau:

Mức chi phí thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (%)	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng (%)	Chi phí thẩm định (%)	Chi phí Ban chỉ đạo tỉnh (%)	Chi phí Ban chỉ đạo cấp huyện (%)	UBND cấp xã (%)
2	1,7	0,12	0,05	0,03	0,1
3	2,55	0,18	0,07	0,05	0,15
4	3,4	0,24	0,10	0,06	0,2
4,5	3,82	0,27	0,11	0,07	0,23
5	4,25	0,30	0,13	0,07	0,25
5,5	4,67	0,33	0,14	0,08	0,28

a) Chi phí cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng được tính bằng tỷ lệ % trên tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng phương án được phê duyệt nhưng mức tối thiểu không thấp hơn 2.000.000 đồng.

b) Chi phí thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được tính bằng tỷ lệ % trên tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng phương án được phê duyệt (kể cả các phương án do UBND cấp huyện phê duyệt) nhưng mức tối thiểu không thấp hơn 150.000 đồng.

c) Chi phí Ban Chỉ đạo bồi thường, giải phóng mặt bằng tỉnh, Ban chỉ đạo cấp huyện và UBND cấp xã được tính bằng tỷ lệ % trên tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng phương án được phê duyệt (kể cả các phương án do UBND cấp huyện phê duyệt) nhưng mức tối thiểu không thấp hơn 50.000 đồng.

d) Căn cứ vào mức tỷ lệ % nêu trên, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB chịu trách nhiệm tổng hợp chi phí thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vào Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình cấp thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện.

Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo bồi thường, giải phóng mặt bằng tỉnh được nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường - cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, để quản lý và chi cho các nội dung: Kiểm tra, hướng dẫn thực hiện, giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại các địa phương; tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các hoạt động khác có liên quan trực tiếp đến việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.”

**20. Sửa đổi, bổ sung Điều 47 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014:**

**“Điều 47. Đo đạc chỉnh lý, đo đạc bổ sung, đo vẽ lại bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất; chuẩn bị hồ sơ địa chính, lập thủ tục thu hồi đất phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng**

1. Đối với những nơi chưa có bản đồ địa chính hệ chính quy hoặc đã có bản đồ địa chính hệ chính quy nhưng chưa đáp ứng một số yêu cầu trong việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định tại Khoản 3, Điều 17, Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì được phép đo đạc chỉnh lý, đo đạc bổ sung, đo vẽ lại bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất (nếu có) để phục vụ cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng từ nguồn kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Chủ đầu tư hoặc Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng giao hoặc thuê đơn vị có chức năng theo quy định của ngành đo đạc bản đồ tiến hành khảo sát thực địa, xây dựng phương án thi công hoặc thiết kế kỹ thuật - dự toán khu đo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình Chủ đầu tư phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện và thanh toán theo khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo quy định và xác định thành một hạng mục riêng của phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (không nằm trong kinh phí tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc chuẩn bị hồ sơ địa chính, lập thủ tục thu hồi đất phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hệ chính quy (trích lục bản đồ địa chính, trích lục thửa đất, trích sao hồ sơ địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính, dự thảo thông báo thu hồi đất, dự thảo Quyết định thu hồi đất, chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố thực hiện (hoặc được phép thuê đơn vị tư vấn phối hợp thực hiện) và sử dụng từ nguồn kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố hoặc đơn vị tư vấn căn cứ vào khối lượng thực tế và đơn giá các hạng mục công việc theo quy định hiện hành, lập dự toán gửi phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định, xác nhận khối lượng hoàn thành và được xác định thành một hạng mục riêng của phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (không nằm trong kinh phí tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

**21. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 57 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014:**

“7. Đối với dự án đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày 01/7/2014 nhưng địa phương chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau ngày 01/7/2014 có thay đổi so với khung chính sách đã được phê duyệt thì Bộ, ngành có dự án đầu tư có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng

Chính phủ quyết định. Bộ, ngành có dự án đầu tư phối hợp với UBND cấp tỉnh nơi có dự án tổ chức thực hiện sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ.”

### **Điều 3. Xử lý trường hợp chuyển tiếp**

Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả tiền theo phương án đã được phê duyệt trước khi quyết định này có hiệu lực thi hành, thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt. Trường hợp chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chậm thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013.

Đối với những trường hợp cá biệt thì giao UBND cấp huyện phối hợp với Chủ đầu tư và các Sở, ngành liên quan tổng hợp, báo cáo giải trình gửi Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, tham mưu, trình UBND tỉnh xem xét chỉ đạo.

### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

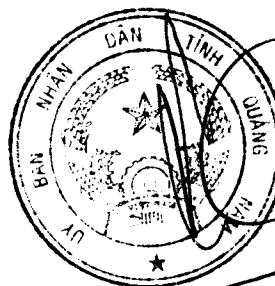
1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 15/9/2017.
2. Các nội dung khác tại Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh không thuộc phạm vi sửa đổi tại Quyết định này vẫn còn hiệu lực thi hành.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công Thương, Tư pháp; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, Cục Trưởng, Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Quảng Nam; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /*AS*

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Website Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, TC, XD (để biết);
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐB Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Báo Quảng Nam; Đài PTTH Quảng Nam;
- Công thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam;
- Công báo tỉnh Quảng Nam;
- Lưu VT, TH, KGVX, NC, KTN, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đinh Văn Thu**